

THỰC TRẠNG THỂ LỰC CHUNG CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT, QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ Y HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Văn Phúc*

Tóm tắt

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy lựa chọn được 9 test đánh giá trình độ thể lực chung cho sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục thể chất, Quản lý TDTT và Y học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất các ngành Giáo dục thể chất, Quản lý TDTT và Y học TDTT của Trường.

Từ khóa: Thực trạng, thể lực chung, sinh viên năm thứ nhất, ngành Giáo dục thể chất, ngành Quản lý TDTT, ngành Y học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh...

GENERAL PHYSICAL STRENGTH REALITY OF FIRST-YEAR STUDENTS OF PHYSICAL EDUCATION, SPORT MANAGEMENT AND SPORT MEDICINE FACULTY IN BAC NINH SPORTS UNIVERSITY

Summary:

Using the common scientific methods, we select 9 tests of assessing the general physical strength level for the first-year students of the Physical Education, Sports Management and Sports Medicine Faculty in the Bac Ninh Sports University. On such basis, we assess the general physical strength reality of the students.

Keywords: Reality, general physical strength, first-year students, Physical Education, Sport Management, Sports Medicine Faculty, Bac Ninh Sports University, etc.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là một trung tâm đào tạo cán bộ TDTT uy tín của nước ta, Nhà trường đã đề ra các nhiệm vụ chiến lược nhằm phục vụ mục tiêu chung của đất nước trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, là việc làm thường xuyên nhằm không ngừng hoàn thiện hệ thống đào tạo của Trường. Với nhiều biện pháp và cách thức khác nhau như áp dụng quy trình đào tạo mới, cải tiến nội dung tuyển sinh, đổi mới chương trình đào tạo và nội dung giảng dạy, hiện đại hoá dụng cụ tập luyện, cơ sở vật chất và phòng thí nghiệm, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu, sách giáo khoa và đặc biệt là đánh giá đúng thực trạng trình độ năng lực chuyên môn và thể lực của sinh viên để làm cơ sở cho việc điều khiển, điều chỉnh quá trình giảng dạy... đã tạo nên nguồn nhân lực có chất lượng cao,

đáp ứng nhu cầu đổi mới của đất nước.

Vấn đề đánh giá thực trạng trình độ sinh viên đã có một số tác giả nghiên cứu như: Nguyễn Đại Dương (1999), Nguyễn Ngọc Cừ (1997), Lưu Quang Hiệp (2000), Bùi Quang Ngọc (2008)... Tuy nhiên, chưa có tác giả nào nghiên cứu thực trạng trình độ thể lực chung của sinh viên các ngành GDTC, Y học TDTT, Quản lý TDTT tại thời điểm năm thứ nhất. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng trình độ thể lực của sinh viên các ngành trên là cần thiết và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp kiểm tra sự phạm;

*TS, Phó hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Phương pháp kiểm tra y học; Phương pháp toán học thống.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn test đánh giá trình độ thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất Ngành Giáo dục thể chất, Quản lý TDTT và Y học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Tiến hành lựa chọn các test đánh giá trình độ thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất Ngành Giáo dục thể chất, Quản lý TDTT và Y học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh theo các bước:

- Lựa chọn thông qua phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo, qua quan sát trực tiếp và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;
- Lựa chọn thông qua phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi;
- Xác định độ tin cậy của test;
- Xác định tính thông báo của test.

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 9 test

Bảng 1. Kết quả kiểm tra thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học TDTT Bắc Ninh niên khóa 2013 – 2017 (n = 410)

TT	Test	Nam (n=335)	Nữ (n=75)
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$
1	Bật xa tại chỗ (cm)	245 ± 4.3	218 ± 4.2
2	Lực bóp tay thuận (kG)	43.4 ± 7.6	28.2 ± 3.1
3	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần)	18.4 ± 2.1	17.5 ± 4.0
4	Chạy XFC 30m (s)	5.10 ± 0.47	6.58 ± 0.37
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	11.86 ± 0.54	12.87 ± 0.53
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1021 ± 65	892 ± 63
7	VO ₂ max (lít/ph)	3.36 ± 0.37	3.05 ± 0.35
8	VCO ₂ max (lít/ph)	3.72 ± 0.29	3.43 ± 0.46
9	VO ₂ /kg (ml/phút/kg)	48 ± 2.0	37 ± 1.4

Qua bảng 1 cho thấy: Kết quả kiểm tra trình độ thể lực của sinh viên bằng 6 test theo tiêu chuẩn đánh giá và phân loại thể lực sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì thể lực của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đều ở mức đạt và cận tốt. Với kết quả thu được đã khẳng định sinh viên được tuyển chọn có đủ tiêu chuẩn về thể lực đáp ứng các hoạt động học tập và sinh hoạt. Kết quả kiểm tra

đủ phẩm chất để đánh giá trình độ thể lực chung của đối tượng nghiên cứu gồm:

1. Bật xa tại chỗ (cm)
2. Lực bóp tay thuận (kG)
3. Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần)
4. Chạy XFC 30m (giây)
5. Chạy con thoi 4 x 10m (giây)
6. Chạy tùy sức 5 phút (m)
7. VO₂ max (lít/ph)
8. VCO₂ max (lít/ph)
9. VO₂/kg (ml/phút/kg)

2. Thực trạng trình độ thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất Ngành Giáo dục thể chất, Quản lý TDTT và Y học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Sử dụng 9 test đã lựa chọn để đánh giá thực trạng trình độ thể lực của: 410 sinh viên (75 nữ và 335 nam) thuộc 3 ngành GDTC, Y học TDTT, Quản lý TDTT. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

chức năng hô hấp trong vận động của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nằm trong giới hạn của người bình thường nhưng ở ngưỡng tốt.

Để làm rõ tính đặc thù về thể lực giữa các ngành học với nhau, đề tài tách kết quả kiểm tra theo 3 ngành để so sánh. Kết quả trình bày tại bảng 2 và bảng 3.



Trình độ thể lực chung của sinh viên các ngành GDTC, Y học TDTT và Quản lý TDTT không có sự khác biệt (ảnh minh họa)

Bảng 2. Kết quả so sánh thể lực chung của sinh viên nữ các ngành GDTC, Y học TDTT, Quản lý TDTT

TT	Test	GDTC (n=54)	Y học TDTT (n=10)	QL TDTT (n=11)	t ₁₋₂	p	t ₂₋₃	p	t ₁₋₃	p
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$						
1	Bật xa tại chỗ (cm)	216 ± 3.4	214 ± 2.7	217 ± 2.3	0,98	>0.05	1,67	>0.05	0,54	>0.05
2	Lực bóp tay thuận (kG)	29.6 ± 4.5	28.6 ± 3.3	28.7 ± 3.5	0,83	>0.05	0,46	>0.05	0,97	>0.05
3	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần)	18.1 ± 2.1	17.7 ± 2.2	17.4 ± 1.4	1,79	>0.05	0,55	>0.05	1,43	>0.05
4	Chạy XFC 30m (s)	6.52 ± 0.31	6.60 ± 0.34	6.59 ± 0.29	1,26	>0.05	0,18	>0.05	0,96	>0.05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	12.98 ± 0.37	13.02 ± 0.41	13.00 ± 0.48	0,66	>0.05	0,12	>0.05	0,78	>0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	885 ± 53	891 ± 42	883 ± 36	1,38	>0.05	1,57	>0.05	0,61	>0.05
7	VO ₂ max (lít/ph)	3.06 ± 0.27	3.05 ± 0.24	3.04 ± 0.32	0,37	>0.05	0,28	>0.05	0,29	>0.05
8	VCO ₂ max (lít/ph)	3.45 ± 0.33	3.42 ± 0.39	3.41 ± 0.52	0,42	>0.05	0,13	>0.05	0,53	>0.05
9	VO ₂ /kg (ml/phút/kg)	37.3 ± 1.7	36.7 ± 2.6	37.0 ± 2.8	0,44	>0.05	0,23	>0.05	0,19	>0.05

Kết quả bảng 2 cho thấy: Trình độ thể lực chung của nữ sinh viên các ngành GDTC, Y học TDTT và Quản lý TDTT không có sự khác biệt

mang ý nghĩa thống kê, thể hiện ở (P>0.05). Các em đều là học sinh THPT mới vào trường nên có trình độ thể lực ban đầu tương đương nhau.

Bảng 3. Kết quả so sánh thể lực chung của sinh viên nam các ngành GDTC, Y học TDTT, Quản lý TDTT

TT	Test	GDTC (n=335)	Y học TDTT (n=38)	QL TDTT (n=37)	t ₁₋₂	p	t ₂₋₃	p	t ₁₋₃	p
		$\bar{X} \pm \delta$	$\bar{X} \pm \delta$	$\bar{X} \pm \delta$						
1	Bật xa tại chỗ (cm)	246 ± 4.2	240 ± 3.1	243 ± 5.1	1,82	>0.05	0,87	>0.05	0,77	>0.05
2	Lực bóp tay thuận (kG)	43.2 ± 6.8	41.2 ± 5.5	42.8 ± 6.8	0,88	>0.05	0,56	>0.05	1,05	>0.05
3	Nằm ngửa gập bụng 30giây (lần)	18.7 ± 2.3	17.8 ± 1.5	18.0 ± 2.5	1,25	>0.05	0,19	>0.05	0,38	>0.05
4	Chạy XFC 30m (s)	5.09 ± 0.38	5.14 ± 0.31	5.16 ± 0.28	0,58	>0.05	0,13	>0.05	0,67	>0.05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	11.82 ± 0.51	11.93 ± 0.23	11.89 ± 0.39	0,52	>0.05	0,51	>0.05	0,62	>0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1018 ± 48	1009 ± 36	989 ± 43	1,16	>0.05	1,85	>0.05	1,91	>0.05
7	VO ₂ max (lít/ph)	3.39 ± 0.29	3.34 ± 0.34	3.37 ± 0.31	0,38	>0.05	0,53	>0.05	0,17	>0.05
8	VCO ₂ max (lít/ph)	3.76 ± 0.32	3.72 ± 0.22	3.69 ± 0.34	0,24	>0.05	0,39	>0.05	0,67	>0.05
9	VO ₂ /kg (ml/phút/kg)	48.5 ± 2.3	47.9 ± 1.5	48.2 ± 2.1	0,48	>0.05	0,45	>0.05	0,14	>0.05

Phân tích kết quả so sánh thể lực của sinh viên nam thứ nhất ở 3 ngành: Giáo dục thể chất, Y học TDTT và Quản lý TDTT cho thấy xu hướng giống nữ sinh viên, không có sự khác biệt về trình độ thể lực. Mức độ tác động của tập luyện đối với các em chưa sâu nên trình độ thể lực của các em tương đương nhau (P=0,05)

KẾT LUẬN

1. Quá trình nghiên cứu đã lựa chọn được 6 test sự phạm và 3 test y học đủ phẩm chất trong đánh giá trình độ thể lực của sinh viên năm thứ nhất ngành GDTC, Quản lý TDTT và Y học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

2. Đánh giá thực trạng trình độ thể lực của sinh viên cho thấy: Trình độ thể lực của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đều ở mức đạt và cận tốt theo tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năng lực hô hấp trong vận động ở các sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nằm trong giới hạn của người bình thường nhưng ở ngưỡng tốt; Khi so sánh trình độ thể lực chung của nữ sinh viên các

ngành GDTC, Y học TDTT và Quản lý TDTT không thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (P>0.05).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aulic I. V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao* (dịch: Phạm Ngọc Trâm), Nxb TDTT, Hà Nội.
2. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1986), *Kiểm tra năng lực thể chất và thể thao*, Nxb TDTT Thành phố HCM.
3. Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Nôvicóp A. D, Mátvêép L. P (1976), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, (dịch: Phạm Trọng Thanh và Lê Văn Lắm), Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Trương Anh Tuấn (1989), “Tổ chức thể lực trong quá trình tuyển chọn và xác định năng khiếu VĐV trẻ”, *Bản tin khoa học kỹ thuật TDTT*, (4), tr. 11 - 13.

(Bài nộp ngày 11/12/2015, phản biện ngày 4/1/2016, duyệt in ngày 10/1/2016)